

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ

Ngày: 13 - 5 - 2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUYỆN D - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiệp;

Ông Đỗ Công Luận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Bảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 268/2021/TLST- HNGĐ ngày 15/11/2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Trần Quế C, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Tổ 4, thôn 1, xã P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Vũ Thanh H, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn N 3, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Trần Quế C trình bày: Bà và ông Vũ Thanh H tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 06/11/2014. Trong thời gian chung sống, giữa bà và ông H hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã từ những chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống. Mỗi lần cãi nhau, ông H đều im lặng từ 02 tuần đến 01 tháng và có những hành động như khóa xe, lấy chìa khóa. Ông H ít nói, không có sự Ca sê, quan tâm trong vấn đề chăm sóc con cái và gia đình. Ngoài ra, trong mối quan hệ với gia đình ông H, bà C và mẹ ông H thường có mâu thuẫn. Hiện bà C và ông H không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2020 cho đến nay. Nay, bà C xác định không còn tình cảm với ông H, mâu thuẫn giữa bà C và ông H đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà

được ly hôn với ông Vũ Thanh H.

Về con chung: có 01 con chung là Vũ Đức V, sinh ngày 29/12/2015. Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác định bà và ông H không có tài sản chung và nợ chung.

Đối với bị đơn ông Vũ Thanh H, Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng ông H vắng mặt, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản xác minh tại nơi cư trú, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông H theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà C được ly hôn với ông H; về con chung: Giao con chung cháu Vũ Đức V, sinh ngày 29/12/2015 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng; ông H không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác định không có nên không xem xét; về án phí: Bà C phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Vũ Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Trần Quế C và ông Vũ Thanh H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện D vào năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong thời gian chung sống giữa nguyên đơn bà C và bị đơn ông H thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc ông H không có sự quan tâm, chia sẻ về cuộc sống tình cảm gia đình và cùng với bà C chăm lo về kinh tế, chăm sóc con cái. Điều này đã tạo ra sự căng thẳng, xung đột dẫn đến cuộc sống hôn nhân giữa bà C, ông H không có hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, ông H được Tòa án nhân dân huyện D triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng, điều này thể hiện ông H đã không quan tâm, mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà C. Vì vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông H đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà C được ly hôn ông H.

[3]. Về con chung: Bà C và ông H có 01 con chung là cháu Vũ Đức V, sinh ngày 29/12/2015. Tại phiên tòa, bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi con

chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Xét cháu V hiện do bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà C có đủ điều kiện trong việc nuôi dưỡng con chung (hiện bà C có công việc, thu nhập ổn định, đang làm giáo viên dạy học cấp 1) nên cần giao cháu V cho bà C nuôi dưỡng là hợp lý, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà C không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà C và ông H đều có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà C xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Bà C phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lê Trần Quế C được ly hôn ông Vũ Thanh H.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Đức V, sinh ngày 29/12/2015 cho bà Lê Trần Quế C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ông Vũ Thanh H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Vũ Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà C và ông H đều có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Lê Trần Quế C nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp theo biên lai số AA/2021/0007576 ngày 12/11/2021 tại C cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Khánh Hòa; bà C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- C cục THADS huyện D;
- UBND xã P (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ

